

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1929/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về giao chỉ tiêu thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão đối với các  
doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố năm 2008**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 08 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế về thành lập và hoạt động của Quỹ Phòng, chống lụt, bão địa phương;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố tại Tờ trình số 72/TTr-PCLB ngày 10 tháng 4 năm 2008 về ban hành quyết định giao chỉ tiêu thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay giao chỉ tiêu thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão năm 2008 cho các quận - huyện và Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố (đính kèm Bảng tổng hợp giao chỉ tiêu thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão năm 2008).

**Điều 2.** Các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm nộp hai phần vạn (2/10.000) trên tổng số vốn sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp nhưng không quá 5.000.000 (năm triệu) đồng và được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông để nộp vào Quỹ Phòng, chống lụt, bão (theo khoản 2 Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ). Giao Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố phát hành danh sách các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố.

**Điều 3.** Các trường hợp được miễn, tạm hoãn đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão thực hiện theo quy định tại điểm g, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 7, Chương II, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ như sau:

1. Các đối tượng được miễn đóng góp: Các doanh nghiệp công ích và các hợp tác xã nông nghiệp.

2. Đối tượng được tạm hoãn đóng góp: Các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế được miễn, giảm thuế doanh thu (nay là thuế giá trị gia tăng). Thực hiện theo Văn bản hướng dẫn số 427/PCLB ngày 19 tháng 9 năm 2001 của Cục Phòng chống lụt bão và Quản lý đê điều (nay là Cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão) và Văn bản số 4590/UB-CNN ngày 14 tháng 12 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Các đối tượng doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh bị thua lỗ xin điều chỉnh (giảm) chỉ tiêu nộp Quỹ Phòng, chống lụt, bão, căn cứ Luật Kế toán ngày 17 tháng 6 năm 2003 doanh nghiệp đó phải nộp báo cáo tài chính năm có kiểm toán cho cơ quan thu để trình cơ quan có thẩm quyền được quy định ở Điều 4 Quyết định này xem xét và quyết định.

**Điều 4.** Các trường hợp doanh nghiệp xin điều chỉnh mức thu và tạm hoãn đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão do bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, doanh nghiệp được cấp bù vốn hoạt động từ ngân sách, doanh nghiệp đã điều chỉnh (tăng - giảm) tổng vốn sản xuất - kinh doanh và các doanh nghiệp khác phân công trách nhiệm và ủy quyền như sau:

1. Đối với doanh nghiệp do Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão) phụ trách thu, giao Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố chủ trì phối hợp với Cục Thuế thành phố xem xét, quyết định.

2. Đối với doanh nghiệp do quận - huyện phụ trách thu, ủy quyền cho Chủ tịch

Ủy ban nhân dân các quận - huyện chủ trì phối hợp với Cục Thuế thành phố xem xét, quyết định.

### **Điều 5. Trách nhiệm thu, nộp và phân bổ Quỹ Phòng, chống lụt, bão**

1. Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện thu tiền đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão của các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn (vốn đầu tư trong nước), Hợp tác xã và tổng số tiền thu được phân bổ như sau:

a) Trích 5% trên tổng số thu để trả thù lao cho người, đơn vị trực tiếp thu.

b) 95% còn lại (quy thành 100%) được phân bổ như sau:

+ 40% nộp vào Quỹ Phòng, chống lụt, bão quận - huyện (nơi doanh nghiệp đóng trụ sở);

+ 60% nộp về Quỹ Phòng, chống lụt, bão thành phố, số tài khoản: 942.90.00.00003 tại Kho bạc Nhà nước thành phố, đơn vị nhận: Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố).

2. Giao Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố thu tiền đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão của công ty cổ phần, doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả công ty trách nhiệm hữu hạn) và tổng số tiền thu được phân bổ như sau:

a) Trích 5% trên tổng số thu để trả thù lao cho người, đơn vị trực tiếp thu.

b) 95% còn lại nộp vào Quỹ Phòng, chống lụt, bão thành phố.

3. Về tài chính, kế toán:

Tổ chức, cá nhân thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão phải thực hiện chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng Quỹ Phòng, chống lụt, bão; thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Quy định cụ thể về chế độ báo cáo: báo cáo thu, nộp Quỹ trong 9 tháng đầu năm 2008; báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng Quỹ năm 2008.

### **Điều 6. Quy chế thực hiện, phân công phối hợp, trách nhiệm và thời gian hoàn thành**

1. Việc thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão phải thực hiện Quy chế công khai tài chính kèm theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính và thông báo công khai cho các doanh nghiệp biết. Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thu đúng và thu đủ, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện đóng góp của các doanh nghiệp vào Quỹ Phòng, chống lụt, bão theo quy định; kết quả thu và quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống lụt, bão phải báo cáo về Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố.

2. Giao Sở Tài chính thành phố chủ trì phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hướng dẫn, theo dõi, quản lý, kiểm tra tình hình thu và sử dụng Quỹ Phòng, chống lụt, bão theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thành phố, Cục Thuế thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố, Sở Tư pháp thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện để tổ chức họp bàn biện pháp khắc phục tình trạng các doanh nghiệp có tình không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão.

3. Sở Tài chính thành phố: in và quản lý việc phát hành biên lai thu tiền theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính để thu tiền Quỹ Phòng, chống lụt, bão; chỉ đạo các Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận - huyện thực hiện thu, nộp, sử dụng và lập báo cáo về Quỹ Phòng, chống lụt, bão quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

4. Quá trình tổ chức thu, Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thống kê, lập danh sách các trường hợp không thu được ngoài các trường hợp đã quy định ở Điều 4 và khoản 2 Điều 7 Quyết định này liên hệ trực tiếp với Cục Thuế thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố phối hợp xem xét, giải quyết. Ủy ban nhân dân các quận - huyện thống kê doanh nghiệp không thu được Quỹ (do đã giải thể, chuyển đổi địa chỉ, không tồn tại trên thực tế) và báo cáo về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố trước ngày 30 tháng 9 năm 2008; thống kê doanh nghiệp đang hoạt động nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ nộp Quỹ Phòng, chống lụt, bão và báo cáo về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố trước ngày 31 tháng 01 năm 2009.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố, Sở Tài chính thành phố và Cục Thuế thành phố, phối hợp thực hiện trách nhiệm được phân công tại Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Thời gian thực hiện và hoàn thành việc thu, nộp Quỹ Phòng, chống lụt, bão trong năm 2008 (riêng quyết toán chậm nhất là đến ngày 31 tháng 3 năm 2009).

**Điều 7. Khen thưởng, xử lý vi phạm và xử phạt vi phạm hành chính**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão được khen thưởng theo chế độ quy định của Nhà nước.

2. Doanh nghiệp không nộp hoặc không nộp đủ nghĩa vụ đóng góp vào Quỹ Phòng, chống lụt, bão theo quy định sẽ xử lý theo Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ. Thành phố quy định cụ thể như sau: sau ngày 15 tháng 11 năm 2008 cho phép Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện đề nghị cơ quan Ngân hàng cắt chuyển kinh phí từ tài khoản của doanh nghiệp không nộp hoặc không nộp đủ Quỹ vào tài khoản Quỹ Phòng, chống lụt, bão thành phố hoặc quận - huyện.

3. Người được giao nhiệm vụ thu, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ Phòng, chống lụt, bão vi phạm các quy định của Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Về xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 8.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 9.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố và Giám đốc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**Phụ lục: BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU THU - NỢP QUỸ PCLB ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG DOANH NGHIỆP NĂM 2008**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Quận Huyện	Quận - Huyện phụ trách			VP Ban Chỉ huy PCLB thành phố phụ trách			Tổng số DN	Tổng tỉ lệ 2/10.000 (đồng)	Tổng số tiền đóng Quỹ (đồng)
		Số DN	Tỉ lệ 2/10.000	Số tiền đóng Quỹ	Số DN	Tỉ lệ 2/10.000	Số tiền đóng Quỹ			
1	Quận 01	4.041	3.474.357.975	1.969.669.000	1.419	25.962.682.291	3.212.362.000	5.460	29.437.040.266	5.182.031.000
2	Quận 02	820	574.726.902	356.250.000	209	1.342.667.584	332.038.000	1.029	1.917.394.486	688.288.000
3	Quận 3	2.736	2.158.619.415	1.192.334.000	728	11.479.570.955	1.301.060.000	3.464	13.638.190.370	2.493.394.000
4	Quận 4	970	305.341.651	291.531.000	222	853.959.315	342.267.000	1.192	1.159.300.966	633.798.000
5	Quận 5	2.373	1.049.389.524	792.669.000	325	3.226.486.512	484.901.000	2.698	4.275.876.036	1.277.570.000
6	Quận 6	1.685	636.816.923	521.723.000	187	367.489.065	227.308.000	1.872	1.004.305.988	749.031.000
7	Quận 7	1.555	856.537.112	650.667.000	462	4.277.272.674	1.031.972.000	2.017	5.133.809.786	1.682.639.000
8	Quận 8	1.526	531.652.091	478.389.000	190	386.204.200	233.832.000	1.716	917.856.291	712.221.000
9	Quận 9	1.027	388.388.327	323.788.000	220	2.150.810.931	299.836.000	1.247	2.539.199.258	623.624.000
10	Quận 10	2.462	899.287.807	793.760.000	449	1.344.913.130	547.461.000	2.911	2.244.200.937	1.341.221.000
11	Quận 11	1.790	943.930.564	650.794.000	217	671.177.722	245.356.000	2.007	1.615.108.286	896.150.000
12	Quận 12	1.868	814.173.495	653.284.000	360	933.653.679	395.482.000	2.228	1.747.827.174	1.048.766.000
13	Q. Bình Tân	2.741	1.891.627.630	1.234.675.000	419	2.115.871.814	723.158.000	3.160	4.007.499.444	1.957.833.000
14	Q. Bình Thạnh	3.999	1.170.345.203	1.011.024.000	951	2.694.700.091	1.155.951.000	4.950	3.865.045.294	2.166.975.000
15	Q. Gò Vấp	3.871	1.083.030.083	990.498.000	480	1.149.373.066	446.641.000	4.351	2.232.403.149	1.437.139.000
16	Q. Phú Nhuận	2.403	1.283.617.474	800.437.000	549	5.204.275.458	650.385.000	2.952	6.487.892.932	1.450.822.000
17	Q. Tân Bình	5.544	2.243.444.502	1.880.180.000	1.055	3.997.295.219	1.243.655.000	6.599	6.240.739.721	3.123.835.000
18	Q. Tân Phú	3.564	1.165.813.126	1.018.862.000	473	1.095.863.888	564.511.000	4.037	2.261.677.014	1.583.373.000
19	Q. Thủ Đức	1.444	611.770.629	503.864.000	354	1.845.369.038	631.576.000	1.798	2.457.139.667	1.135.440.000
20	H. Bình Chánh	1.271	1.249.227.839	670.877.000	180	568.740.328	295.765.000	1.451	1.817.968.167	966.642.000
21	H. Cần Giờ	69	32.042.000	32.042.000	8	42.100.000	15.100.000	77	74.142.000	47.142.000
22	H. Củ Chi	606	241.592.857	239.392.000	104	441.119.291	225.256.000	710	682.712.148	464.648.000
23	H. Hóc Môn	827	316.408.506	301.665.000	125	222.086.711	175.513.000	952	538.495.217	477.178.000
24	H. Nhà Bè	205	121.750.020	102.151.000	36	1.059.951.020	82.631.000	241	1.181.701.040	184.782.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>49.397</b>	<b>24.043.891.655</b>	<b>17.460.525.000</b>	<b>9.722</b>	<b>73.433.633.982</b>	<b>14.864.017.000</b>	<b>59.119</b>	<b>97.477.525.637</b>	<b>32.324.542.000</b>